

Số: /DB - TTBVTV

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG VỤ HÈ THU NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SẢN XUẤT

1. Tình hình thời tiết vụ Hè Thu, Mùa 2024

Theo bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa tỉnh Đắk Lắk số KTHM-02/16h30/DLAK, ngày 15/4/2024 của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đắk Lắk:

- Tình hình thời tiết: Theo bản tin của Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, điều kiện ElNino tiếp tục duy trì đến tháng 5/2024, từ tháng 6-8/2024 khả năng chuyển sang trạng thái trung tính. Hiện nay, mực nước trên các sông trên địa bàn tỉnh phổ biến duy trì mức thấp, lượng dòng chảy phổ biến thấp hơn TBNN cùng thời kỳ từ 20-40% (riêng trên sông Krông Ana tại trạm thủy văn Giang Sơn thấp hơn từ 160-190%).

- Lượng mưa: Tổng lượng mưa từ tháng 5 đến tháng 7/2024 phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ. Trong đó, tháng 5/2024 thấp hơn từ 10-30%; tháng 6/2024 xấp xỉ; tháng 7/2024 cao hơn 5-20%. Mùa mưa năm 2024 khả năng bắt đầu trễ hơn so với TBNN, xuất hiện vào nửa cuối tháng 5 (từ ngày 15 đến 25 tháng 5).

- Tình hình thủy văn: Từ nửa cuối tháng 4/2024 đến đầu tháng 6/2024, mực nước trên các sông tiếp tục duy trì ở mức thấp. Lượng dòng chảy phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 10-30%. Vùng đầu nguồn của các sông và suối nhỏ xuất hiện tình trạng cạn kiệt.

2. Kế hoạch sản xuất và thời vụ cây trồng:

- Triển khai văn bản số 1604/SNN-TTBVTV, ngày 04/5/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai Kế hoạch sản xuất và hướng dẫn khung lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng vụ Hè Thu năm 2024.

- Thời vụ gieo trồng: Khung lịch thời vụ: Dự kiến từ ngày 10/5-10/6 (theo Dương lịch), cụ thể như sau:

a) Đối với cây lúa: Căn cứ điều kiện thực tế nguồn nước của từng vùng để xây dựng lịch thời vụ. Khuyến cáo nông dân thực hiện chương trình “ba giảm, ba tăng”, “một phải, năm giảm”.

- Các vùng chủ động điều tiết nước tập trung gieo sạ từ 10/5 - 10/6, có thể tranh thủ mùa mưa đến sớm gieo sạ trước 10/5 và kết thúc trước 30/5; ưu tiên sử dụng các giống lúa có chất lượng gạo ngon để tăng giá trị sản xuất.

- Các vùng không chủ động nước thì đủ nước đến đâu tiến hành làm đất gieo sạ đến đó, chú ý các chân ruộng trũng cần tranh thủ gieo sạ càng sớm càng tốt và sử dụng các giống lúa thuần ngắn hoặc trung ngày (90 - 95 ngày) để có thể thu hoạch trước 30/8 tránh mưa lũ, ngập lụt.

- Giống chủ lực: HT1, VND95-20, ML48, OM4900, OM6162, OM5451, IR64, Đài Thơm 8, ST25, TH3-3, Nhị ưu 838...; Giống bổ sung: RVT, ĐV108, OM 3536,...

b) Đối với cây màu

- Cây ngô: Tập trung gieo tía khoảng từ 15/5-15/6, tùy theo thời tiết của từng vùng có thể gieo sớm hoặc muộn hơn riêng khu vực phía Đông tỉnh và huyện

M'Đrăk cần chú ý gieo muộn hơn, chỉ gieo tĩa khi có mưa đều, đất đủ ẩm. Ưu tiên sử dụng các giống ngô lai có thời gian sinh trưởng ngắn hoặc trung ngày, hạn chế sử dụng giống dài ngày. Khuyến cáo bà con lựa chọn giống phù hợp, giống đã được công nhận hoặc trình diễn triển vọng tốt trên địa bàn (chủ động loại bỏ các giống hay bị mất cảm với điều kiện đất đai, thời tiết, sâu bệnh tại địa phương). Các giống khuyến cáo: LVN146, LVN66, NK66, NK7328, CP501, CP888, CP3Q, Bioseed 9698, PAC999, MAX07, VN5885,...

- Đậu các loại: Tập trung gieo tĩa khi có mưa đều khoảng từ 15/5-05/6, có thể gieo sớm hoặc muộn hơn tùy theo thời tiết của từng vùng, nên sử dụng các giống đậu ngắn ngày. Chú ý các huyện chủ động khuyến cáo bà con không nên gieo đón mưa để tránh mất giống. Đối với cây đậu xanh, bố trí thời vụ sao cho giai đoạn đậu ra hoa (30-35 ngày sau gieo) tránh thời kỳ tiểu hạn (hạn bà Chăn) và thời điểm thu hoạch tránh mưa dầm. Những vùng mưa muộn nên chuyển sang trồng loại cây trồng khác hiệu quả hơn

- Cây sắn: Tập trung trồng từ trung tuần tháng 5 đến trung tuần tháng 6; Sử dụng các giống sắn cao sản, sạch bệnh, không lấy giống ở những vùng bị nhiễm bệnh và kết hợp với đầu tư thâm canh, khuyến cáo thực hiện luân canh tránh thoái hóa đất; Theo dõi phòng, chống hiệu quả bộ phận trắng, tác nhân gây bệnh vi rút khảm lá trên cây sắn.

Kế hoạch sản xuất vụ Hè thu 2024:

STT	Cây trồng	Diện tích (ha)
1	Lúa nước	60.000 ha
2	Ngô	47.800 ha
3	Khoai lang	2.410 ha
4	Sắn	41.000 ha
5	Đậu xanh	5.500 ha
6	Đậu các loại	10.410 ha
7	Đậu nành	990 ha
8	Đậu phộng (lạc)	2.540 ha
9	Rau các loại	5.450 ha
10	Mía	12.700 ha
11	Cây hàng năm khác	12.900 ha
Tổng diện tích (ha)		201.700 ha

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI HIỆN NAY

1. Cây cà phê: Rệp sáp TLH 2-15%, DTN 32,6 ha (Krông Búk, Krông Năng, Krông Pắc, Ea Kar) giảm 2,4 ha so với kỳ trước; bệnh nấm hồng TLH 5-20%, DTN 14 ha (Krông Búk, Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; bệnh khô cành TLH 1-25%, DTN 12,7 ha (Krông Búk, Ea Kar, Cư Kuin) tăng 2,7 ha so với kỳ trước; rệp vảy (xanh, nâu) TLH 4-15%, DTN 10 ha (Ea H'leo, Krông Pắc) giảm 01 ha so với kỳ trước; bệnh đốm mắt cua TLH 3-20%, DTN 4,7 ha (Krông Pắc, Ea Kar) giảm nhẹ so với kỳ trước; bộ cánh cứng ăn lá cà phê TLH 5-15%, DTN 01 ha (Krông Năng); mọt đục cành TLH 1-5%, DTN 01 ha (Ea H'leo); các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

2. Cây hồ tiêu: Bệnh chết chậm TLH 3-10%, DTN 14,3 ha (Cư M'gar, Krông Pắc, Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; bệnh nấm hồng TLH 5-20%, DTN 05 ha (Ea Kar) tăng 2,2 ha so với kỳ trước; bệnh thán thư TLH 4-11%, DTN 04 ha (Krông Pắc) tăng 02 ha so với kỳ trước; bộ xít lưới TLH 4-15%, DTN 03 ha (Krông Năng, Krông Búk) giảm 0,1 ha so với kỳ trước; tuyến trùng TLH 3-8%, DTN 03 ha (Krông Pắc) tăng 02 ha so với kỳ trước; bệnh đốm tảo TLH 1-5%, DTN 2,5 ha (Cư Kuin, Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

3. Cây điều: Bộ xít muối TLH 5-10%, DTN 11 ha (Krông Búk, Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; bệnh thán thư TLH 3-8%, DTN 06 ha (Krông Búk) tương đương so với kỳ trước; bệnh đốm tảo TLH 3-20%, DTN 03 ha (Ea Kar) tăng 03 ha so với kỳ trước; các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

4. Cây ca cao: bệnh khô thân TLH 5-12%, DTN 03 ha (Ea Kar), tăng 03 ha so với kỳ trước; rệp sáp TLH 3-6%, DTN 2,5 ha (Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; bộ xít muối TLH 3-7%, DTN 02 ha (Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước; rệp muội (rầy mềm) TLH 5-15%, DTN 02 ha (Ea Kar) tăng 0,5 ha so với kỳ trước; bệnh muội đen TLH 6-15%, DTN 1,5 ha (Ea Kar) tăng 0,6 ha so với kỳ trước; các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

5. Cây cao su: Bệnh phấn trắng TLH 3-6%, DTN 07 ha (Ea H'leo) tương đương so với kỳ trước, các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

6. Cây sầu riềng: Rầy bông (rầy phấn, tua trắng) TLH 5-16%, DTN 28,2 ha (Krông Búk, Ea Kar, Krông Pắc) giảm 1,3 ha so với kỳ trước; bệnh đốm rong TLH 5-20%, DTN 5,8 ha (Krông Pắc, Ea Kar) tăng 0,3 ha so với kỳ trước; bệnh thán thư TLH 4-8%, DTN 04 ha (Krông Búk) tăng 01 ha so với kỳ trước; bệnh thối gốc TLH 3-16%, DTN 2,7 ha (Ea Kar, Krông Pắc) giảm 1,8 ha so với kỳ trước; bệnh cháy lá, chết đột TLH 5-15%, DTN 1,3 ha (Ea Kar) tăng 0,3 ha so với kỳ trước; bệnh thối trái TLH 4-8%, DTN 01 ha (Krông Búk); rầy nhậy TLH 6-15%, DTN 01 ha (Krông Năng); sâu đục quả TLH 3-9%, DTN 01 ha (Krông Pắc); các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

7. Cây bơ: Rệp sáp TLH 5-10%, DTN 01 ha (Ea Kar) giảm 0,2 ha so với kỳ trước; các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

8. Cây vải: Sâu cuốn lá TLH 8-15%, DTN 02 ha (Ea Kar) tăng 0,5 ha so với kỳ trước; rệp sáp TLH 6-16%, DTN 0,9 ha (Ea Kar) giảm 0,1 ha so với kỳ trước; các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

9. Cây nhãn: Sâu đục gân lá TLH 5-12%, DTN 5,2 ha (Ea Kar) tăng 5,2 ha so với kỳ trước; sâu cuốn lá TLH 6-12%, DTN 2,7 ha (Ea Kar) tăng 0,6 ha so với kỳ trước;

10. Cây sắn: Khảm lá virus TLH 5-40% DTN 5 ha (Ea Súp) tương đương so với kỳ trước; các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

11 Cây ngô: Sâu keo mùa thu TLH 10-80 DTN 18 ha (Ea Súp) tăng 18 ha so với kỳ trước; sâu đục thân TLH 15-20%, DTN 02 ha (Ea Kar) tăng 0,7 ha so với kỳ trước; các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

12. Cây lúa: Bộ trĩ TLH 6-12%, DTN 03 ha (Krông Pắc) tăng 03 ha so với kỳ trước; chuột TLH 3-12%, DTN 2,6 ha (Krông Pắc, Ea Kar) giảm 1,4 ha so với kỳ trước; ốc brou vàng TLH 8-15%, DTN 1,4 ha (Ea Kar) giảm 1,6 ha so với kỳ trước; các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Cây họ cà: Bệnh đốm lá vi khuẩn TLH 8-20%, DTN 1,4 ha (Ea Kar); bộ phận TLH 5-15%, DTN 1,4 ha (Ea Kar); các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

14. Hành tỏi: Dòi đục lá TLH 5-14%, DTN 01 ha (Ea Kar); bệnh đốm vòng TLH 5-10%, DTN 0,7 ha (Ea Kar); các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ HÈ THU, MÙA 2024

1. Cây lúa nước: Vụ Hè Thu, Mùa 2024 cần tập trung chú ý một số sinh vật gây hại chính sau:

1.1. Chuột: Chú ý đợt chuột hại chính sau: Nửa cuối tháng 7 đến đầu tháng 8, gây hại lúa đẻ nhánh - đòng Hè Thu chính vụ và giống gieo trên vụ Hè Thu muộn, Mùa.

1.2. Ốc bươu vàng: Hại nhẹ rải rác giống gieo - mạ lúa Mùa.

1.3. Rầy nâu: Phát sinh từ giữa vụ, tăng dần về mật độ, diện tích nhiễm và đạt đỉnh cao vào giai đoạn lúa đòng trở - chắc xanh. Tùy theo trà lúa cần chú ý đợt cao điểm gây hại chính sau: Nửa cuối tháng 7 đến giữa tháng 8, gây hại trên lúa Hè Thu chính vụ ở giai đoạn đòng trở - ngâm sữa.

1.4. Bệnh đạo ôn:

- Đạo ôn lá gây hại trên lúa ở giai đoạn đẻ nhánh - đứng cái vào cuối tháng 7 đầu tháng 8.

- Đạo ôn cổ lá, cổ bông gây hại vào cuối tháng 8 đến giữa tháng 9 trên lúa ở giai đoạn trở - ngâm sữa.

1.5. Bệnh khô vằn: Phát sinh gây hại ở giai đoạn lúa đòng - chắc xanh: Bệnh khô vằn gây hại từ đầu tháng 8 đến nửa đầu tháng 9 trên lúa Hè Thu chính vụ.

1.6. Bệnh lem lép thối hạt: Phát sinh hại nặng trên giống nhiễm ở giai đoạn lúa trở - ngâm sữa trong điều kiện nắng nóng xen kẽ mưa dông.

Bệnh lem lép thối hạt gây hại vào đầu tháng 8 đến đầu tháng 9 trên lúa ở giai đoạn trở - ngâm sữa.

Ngoài ra, cần theo dõi và phòng trừ bọ trĩ, sâu keo,...ở giai đoạn đầu vụ; sâu cuốn lá nhỏ phát sinh hại trên lúa ở giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng; nhện gié, sâu đục thân, đốm sọc vi khuẩn, bệnh bạc lá,...hại trên lúa đòng trở - chắc xanh.

2. Cây ngô - đậu đỗ:

* Trên cây ngô:

- Sâu keo mùa thu, sâu xám, bệnh lở cổ rễ gây hại chủ yếu ngô Hè thu, Mùa chủ yếu thời kỳ cây con - phát triển thân lá.

- Sâu đục thân, sâu đục bắp gây hại giai đoạn trở cò - trái non.

- Bệnh đốm lá, bệnh khô vằn, bệnh thối thân,...gia tăng gây hại giai đoạn loa kèn, thâm râu.

* Cây rau màu, đậu đỗ, lạc: Sâu xám, sâu xanh, bệnh lở cổ rễ, chết éo,...gây hại rải rác giai đoạn cây con. Ngoài ra, cần chú ý một số đối tượng khác như: sâu đục quả đậu đỗ, bệnh virus cà chua, bệnh sung rế bắp cải,...gây hại.

3. Cây sắn: Bệnh khảm lá virus hại sắn tiếp tục lây lan gây hại mạnh vào các tháng 7 đến tháng 8 khi trồng mới. Các đối tượng rệp sáp bột hồng, bệnh chổi rồng phát sinh gây hại ở những vùng dịch; rệp sáp, nhện đỏ tiếp tục gia tăng gây hại trong điều kiện nắng nóng khô hạn.

4. Cây cà phê:

- Rệp vảy xanh, vẩy nâu phát sinh và gia tăng gây hại trong mùa mưa tập trung từ tháng 7 đến tháng 8.

- Câu câu ăn lá, bọ cánh cứng gây hại cục bộ trên cây cà phê từ tháng 7 đến tháng 9 thời kỳ có mưa giông vào chiều tối, trên các vườn cà phê giai đoạn kiến thiết cơ bản, lưu ý ở những vùng bọ cánh cứng đã từng xuất hiện gây hại trước đây.

- Bệnh gỉ sắt, bệnh nấm hồng, bệnh khô cành khô quả gây hại từ tháng 8, tháng 9 đến tháng 11 đến tháng 12 ở các vườn cà phê đã già và đầu tư chăm sóc kém sau thu hoạch.

5. Cây tiêu:

- Bọ xít lưới, bọ xít muỗi phát sinh gây hại giai đoạn cây tiêu ra gié, hoa, quả non, Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng hại rễ phát sinh, phát triển mạnh những vườn trồng thấp, thoát nước kém, không chăm sóc.

- Rệp vảy xanh, vẩy nâu gây hại cành, nhánh tập trung gây hại trong mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 8, rệp sáp hại rễ gây hại cục bộ cuối tháng 11 đầu tháng 12.

6. Cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư phát sinh gây hại điều giai đoạn ra lộc non cuối tháng 7 đầu tháng 9 kết hợp thời tiết âm u, mưa gián đoạn là điều kiện thuận lợi cho bọ xít muỗi, bệnh thán thư tập trung gây hại.

7. Cây mía: Cần chú ý theo dõi bệnh trắng lá mía. Ngoài ra lưu ý một số đối tượng như: Sâu non bọ hung, sâu non xén tóc, sâu đục thân, bọ trĩ, bệnh đốm vòng,...hại cục bộ ở giai đoạn đẻ nhánh - vươn lóng.

8. Cây sầu riêng: Bệnh do *Phytophthora* sp phát sinh gây hại trong mùa mưa gây hại nặng tập trung vào cuối tháng 10 đến tháng 12 (những vùng có mưa trái mùa, mưa lớn kéo dài, thời tiết âm u và bón phân không cân đối).

9. Cây thanh long: Bệnh đốm nâu (bệnh tắc kè), ốc phát sinh và gia tăng gây hại vào các tháng mùa mưa; bệnh thối cành, thối quả sẽ gia tăng gây hại khi chiều tối có mưa rào và giông từ tháng 7 đến tháng 8.

10. Cây ca cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp gây hại cục bộ trên những vườn chăm sóc kém, không tỉa cành tạo tán; bệnh thối trái, khô ngược cành, loét thân, thối lá, héo rũ, nấm hồng phát triển nhiều vào mùa mưa. Ngoài ra còn một số bệnh như bệnh hại rễ, khô thân gây hại....

11. Cây cao su: Bệnh loét sọc miệng cạo, rụng lá mùa mưa, nấm hồng phát sinh, gây hại mạnh khoảng tháng 7 - 9.

12. Cây nhãn, vải: Sâu cuốn lá, rệp sáp, bọ xít nâu, sâu đo, bệnh thán thư, bệnh sương mai hại tăng; sâu đục quả tiếp tục hại, bệnh chổi rồng gây hại cục bộ.

13. Cây ăn quả có múi:

- Ruồi đục quả tiếp tục phát sinh và gây hại tăng, đặc biệt là trên các vườn chăm sóc kém;

- Bệnh chảy gôm, bệnh vàng lá thối rễ, bệnh Greening,... tiếp tục phát sinh và gây hại tại các vùng chuyên canh, chăm sóc kém.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHỈ ĐẠO

Trong tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, SVGH và cây trồng đa dạng. Đề nghị Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với ngành nông nghiệp, chính quyền địa phương triển khai chỉ đạo phòng trừ SVGH ngay từ đầu vụ, thực hiện một số nội dung sau:

1. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, tình hình SVGH và cây trồng của từng địa phương, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các huyện, thị xã, thành phố sớm ra dự báo tình hình SVGH vụ Hè Thu và Mùa, xây dựng phương án, kế hoạch để chủ động phòng chống sinh vật gây hại cây trồng ngay từ đầu vụ.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn đến hộ nông dân thực hiện đồng bộ lịch thời vụ để lúa trổ an toàn và tránh né được những bất lợi của thời tiết, các cao điểm SVGH; đẩy mạnh diện tích ứng dụng biện pháp IPM/IPHM và các tiến bộ kỹ thuật, quy trình kỹ thuật phòng chống SVGH trên các cây trồng khác, nhất là cây có giá trị kinh tế cao.

3. Nâng cao năng lực và trách nhiệm chính quyền cơ sở trong công tác giám sát, tổ chức chỉ đạo phòng chống sinh vật gây hại; quản lý chặt buôn bán, sử dụng thuốc BVTV và phân bón; quy định và tổ chức thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng để tiêu hủy đúng quy định. Đặc biệt củng cố lại hệ thống mạng lưới BVTV để đảm bảo cho công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo.

4. Chủ động xây dựng và trình cấp có thẩm quyền về chính sách, bố trí kinh phí phòng chống sinh vật gây hại. Trong đó cần chú ý một số sinh vật gây hại trên các cây trồng:

4.1. Trên cây lúa: Tuyên truyền vận động nông dân vệ sinh đồng ruộng trước khi xuống giống.

- Đối với Chuột: Thực hiện tốt Chỉ thị số: 1900/CT-BNNBVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt. Trong đó, xây dựng kế hoạch, tổ chức, phát động phong trào đồng loạt ra quân diệt chuột ngay trước khi gieo sạ và suốt quá trình sản xuất.

- Đối với ốc bươu vàng: Phát động phong trào thu lượm ốc bươu vàng và trứng trước khi gieo sạ,...để hạn chế ốc bươu vàng gây hại.

- Bệnh đạo ôn, rầy nâu, rầy lưng trắng: Bố trí cán bộ kỹ thuật bám sát địa bàn trọng yếu ngay từ đầu vụ, nắm bắt tình hình sản xuất thực tế tại địa phương, điều tra, theo dõi thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của lúa. Dự báo chính xác các cao điểm phát sinh gây hại để chủ động trong công tác phòng chống.

- Theo dõi tiến độ xuống giống vụ Hè Thu, Mùa. Hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc an toàn hiệu quả ngay đầu vụ để bảo vệ thiên địch, đảm bảo sự đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái (theo nguyên tắc IPM/IPHM).

4.2. Trên cây sắn: Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn; triển khai các mô hình nhân giống sạch bệnh, giống kháng bệnh để cung cấp cho sản xuất.

4.3. Trên cây ngô: Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 4962/CT-BNN-BVTV ban hành ngày 15/7/2019 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu trên cây ngô.

4.4. Trên cây tiêu: Hướng dẫn nông dân áp dụng công nhận tiến bộ kỹ thuật (TBKT 01-94: 2020/BVTV Một số biện pháp phòng chống bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu) theo Quyết định số 577/QĐ-BVTV-KH ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật

4.5. Trên cây điều: Chú ý bọ xít muỗi, bệnh thán thư,...trong giai đoạn lộc non. Hướng dẫn TBKT 01-116:2022/BVTV Quy trình quản lý tổng hợp Bọ xít muỗi

Helopeltis theivora hại cây điều tại Lâm Đồng và phụ cận theo Quyết định số 3782/QĐ- BVTV-KH ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

4.6. Cây cà phê: Hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng, cắt tia cành, tạo tán, tạo độ thông thoáng; chăm sóc, bón phân cân đối, tập trung để cây cà phê ra đợt non và ra hoa đồng loạt; cần chú ý theo dõi bệnh khô cành, bệnh rỉ sắt, rệp vảy, rệp sáp, bọ cánh cứng,...hại các vùng cà phê.

4.7. Cây sầu riêng: Cần tuyên truyền, tập huấn và hướng dẫn nông dân áp dụng công nhận tiến bộ kỹ thuật (TBKT 01-114: 2021/BVTV) theo Quyết định số 2481/QĐ-BVTV-KH ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật. Khuyến cáo nông dân không chăm sóc, bón phân trong điều kiện thời tiết âm u, mưa lớn kéo dài.

4.8. Cây thanh long: Tuyên truyền, khuyến cáo nông dân áp dụng công nhận tiến bộ kỹ thuật (TBKT 01-92: 2018/BVTV Quy trình phòng trừ tổng hợp bệnh đốm nâu *Neoscytalidium dimidiatum* thanh long) theo Quyết định số 3281/QĐ-BVTV-KH ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

Ngoài ra chú ý điều tra, theo dõi các đối tượng như: ốc, bệnh nám vàng cành, bệnh thối rễ tóp cành,...phát sinh gây hại trên cây thanh long.

5. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về sinh vật gây hại và hướng dẫn nông dân tự kiểm tra đồng ruộng, phát hiện và phòng trừ kịp thời

6. Thực hiện chế độ báo cáo thông tin về tình hình SVGH, kết quả phòng trừ; những khó khăn, đề xuất, kiến nghị về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để kịp thời phối hợp xử lý.

7. Củng cố hệ thống bẫy đèn, phần mềm PPDMS, trạm khí tượng iMetos và tăng cường, đôn đốc cán bộ kỹ thuật nhập liệu, kiểm soát dữ liệu trên phần mềm Cơ sở dữ liệu Quốc gia ngành Bảo vệ thực vật để phục vụ cho công tác dự tính dự báo nhằm khuyến cáo, cảnh báo sâu, bệnh ngay từ đầu vụ để kịp thời chỉ đạo bảo vệ tốt sản xuất vụ Hè Thu 2024./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- TTBBVT miền Trung (b/c);
- Sở NNPTNT (b/c);
- Lãnh đạo chi cục;
- Phòng NNPTNT; phòng KT các huyện, Tx, Tp (p/h chỉ đạo);
- Trạm TTBBVT các huyện, Tx, Tp (T/h);
- Trang Web CC.TTBBVT;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Ninh Thị Hoa